

Số: 310/2020/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 12 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc ban hành chính sách hỗ trợ học nghề thuộc danh mục nghề khuyến khích đào tạo và hỗ trợ học phí học văn hóa cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH  
KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ 21**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014;*

*Căn cứ Luật Giáo dục năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Xét tờ trình số 7976/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành chính sách hỗ trợ học nghề thuộc danh mục nghề khuyến khích đào tạo và hỗ trợ kinh phí, học phí học văn hóa cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra số 898/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành quy định chính sách hỗ trợ học nghề thuộc danh mục nghề khuyến khích đào tạo và hỗ trợ học phí học văn hóa cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

1. Phạm vi: Chính sách hỗ trợ học nghề quy định tại Nghị quyết này áp dụng trong phạm vi tỉnh Quảng Ninh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Học sinh, sinh viên tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh học hệ chính quy trình độ trung cấp hoặc cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, thuộc danh mục nghề khuyến khích đào tạo của tỉnh.

b) Học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh học tiếp lên trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng kết hợp học văn hóa trung học phổ thông theo chương trình giáo dục thường xuyên.

3. Thời gian hỗ trợ:

a) Theo thời gian thực học nhưng không quá 10 tháng/năm học.

b) Số tháng được hưởng hỗ trợ bằng số tháng thực tế học chương trình giáo dục nghề nghiệp nhưng không quá 20 tháng/khóa học đối với trình độ trung cấp; 30 tháng/khóa học đối với trình độ cao đẳng và học văn hóa trung học phổ thông theo chương trình giáo dục thường xuyên.

c) Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025. Học sinh, sinh viên được tuyển sinh trong năm học 2024 - 2025 sẽ được hỗ trợ đến khi kết thúc khóa học.

4. Danh mục nghề khuyến khích đào tạo:

Danh mục nghề khuyến khích đào tạo của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025 (Phụ lục kèm theo).

5. Nguyên tắc hỗ trợ:

a) Học sinh, sinh viên cùng lúc thuộc đối tượng của nhiều chính sách hỗ trợ có cùng tính chất thì được hưởng chế độ cao nhất theo quy định tại chính sách đó.

b) Học sinh, sinh viên được hưởng hỗ trợ học nghề trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng chỉ được hỗ trợ một lần khi thực hiện chính sách này.

6. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ học phí học nghề: Trình độ cao đẳng mức hỗ trợ 50% mức lương cơ sở/người/tháng; trình độ trung cấp mức hỗ trợ 40% mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ: 100% tiền đóng học phí học văn hóa hằng tháng phải nộp.

**Điều 2.** Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách địa phương.

**Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

**Nơi nhận:**


- UBND Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội;
- Ủy ban VH, GD, TN, TN&NĐ của Quốc hội;
- Ban CTĐB của UBND Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Tư pháp, Giáo dục - Đào tạo;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;
- Các ban và Văn phòng Tỉnh ủy;
- UB MTTQ và các đoàn thể của tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, VX2.

**CHỦ TỊCH**
**Nguyễn Xuân Kỳ**

## Phụ lục

**DANH MỤC NGHỀ KHUYẾN KHÍCH ĐÀO TẠO**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 310/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Quảng Ninh)



| STT        | Tên ngành, nghề  |
|------------|--|
| <b>I</b>   | <b>Nhóm ngành/nghề Công nghệ kỹ thuật, cơ khí chế tạo, vận tải và xây dựng</b> |
| 1          | Công nghệ ô tô (Công nghệ kỹ thuật ô tô)                                       |
| 2          | Hàn (Công nghệ Hàn; Cốt thép – Hàn)  |
| 3          | Điện công nghiệp   |
| 4          | Điện tử công nghiệp  |
| 5          | Cắt gọt kim loại (Công nghệ kỹ thuật cơ khí; cơ khí chế tạo)                   |
| 6          | Điều khiển phương tiện thủy nội địa  |
| 7          | Kỹ thuật xây dựng  |
| <b>II</b>  | <b>Nhóm ngành/nghề du lịch, dịch vụ</b>  |
| 8          | Kỹ thuật chế biến món ăn   |
| 9          | Hướng dẫn du lịch  |
| 10         | Quản trị khách sạn   |
| 11         | Nghiệp vụ lưu trú (Quản trị buồng phòng)                                       |
| 12         | Du lịch lữ hành (Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)                          |
| 13         | Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn (Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống)           |
| <b>III</b> | <b>Nhóm ngành/nghề sức khỏe</b>  |
| 14         | Điều dưỡng   |
| 15         | Dược   |

